

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP AN THỊNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ CÔNG NGHIỆP AN THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN THINH PHAT INDUSTRIAL MATERIALS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AN THINH PHAT INDMAT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108586446

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 19, ngách 200/20, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                        | 0240     |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                                                                                    | 2219     |
| 3.  | Khai thác lâm sản khác trừ gỗ<br>Chi tiết:<br>- Khai thác luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song, mây,<br>- Khai thác sản phẩm khác như cánh kiến, nhựa cây từ cây lâm nghiệp, cây lâm nghiệp đặc sản<br>- Khai thác gỗ cảnh, củi. | 0231     |
| 4.  | Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ<br>Chi tiết:<br>- Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên;<br>- Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng tự nhiên                       | 0232     |
| 5.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                     | 0810     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh                                                                                                                                                    | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4741     |
| 10. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                    | 4771     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;<br>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;                            | 4773 |
| 12. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4292 |
| 13. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4293 |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời                                                                                                                                                                       | 4299 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:<br>+ Thang máy, thang cuốn,<br>+ Cửa cuốn, cửa tự động,<br>+ Dây dẫn chống sét,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung. | 4329 |
| 16. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                       | 4610 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 8299 |
| 18. | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                    | 0210 |
| 19. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1392 |
| 20. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                        | 4652 |
| 21. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                    | 4653 |
| 22. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                          | 4669 |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                                                                                                                             | 4932 |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                      | 4933 |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4102        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4211        |
| 28. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4212        |
| 29. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1410        |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4221        |
| 31. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. | 4659(Chính) |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn kính xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663        |
| 33. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4222        |
| 34. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4223        |
| 35. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4291        |
| 36. | Khai thác gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0220        |
| 37. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2220        |
| 38. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh;<br>- Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác;<br>- Sản xuất đồ nội thất bằng gốm;                                                                                                                                                                                                               | 2393        |
| 39. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ XUÂN THU | Số 3, tổ 11, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 6.000      | 60.000.000            | 1,000     | 011230876                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                 | Tổng số           | 6.000      | 60.000.000            | 1,000     |                                                                                             |         |
| 2   | TRẦN QUANG THẮNG    | Số 19, ngách 200/20, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    | 012289523                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                 | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
| 3   | MAI PHƯƠNG MỸ       | Số 19, ngách 200/20, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 294.000    | 2.940.000.000         | 49,000    | 012163777                                                                                   |         |
|     |                     |                                                                                                 | Tổng số           | 294.000    | 2.940.000.000         | 49,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN QUANG THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012289523

Ngày cấp: 08/12/2012

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19, ngách 200/20, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 19, ngách 200/20, đường Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội